

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số...../QĐ-ĐHBK ngày....../....../202.. của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)

### A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1. Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng
2. Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Logistics and Supply chain management
3. Trình độ đào tạo:	Đại học
4. Mã ngành đào tạo:	7510601
5. Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp PTTH và trình độ tương đương
6. Thời gian đào tạo:	4 năm
7. Loại hình đào tạo:	Chính quy
8. Số tín chỉ yêu cầu:	130
9. Thang điểm:	Thang điểm 4
10. Điều kiện tốt nghiệp:	<p>Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;</li><li>2. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;</li><li>3. Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;</li><li>4. Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng;</li><li>5. Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định (<i>Ghi chú: tùy thuộc chương trình đào tạo. Ví dụ: đối với chương trình CLC yêu cầu bậc 4/6 theo khung Châu Âu hoặc các chứng chỉ tương đương</i>);</li><li>6. Có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản.</li></ol>

11. Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
12. Vị trí việc làm:	<p>Người học tốt nghiệp <b><i>trình độ đại học (Cử nhân)</i></b> ngành Quản lý công nghiệp – chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng phù hợp với các vị trí công việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ Quản lý nhà máy: hoạch định sản xuất, quản lý tồn kho, quản lý nhân lực</li> <li>✓ Lập kế hoạch và quản lý hệ thống logistics</li> <li>✓ Quản lý chất lượng</li> <li>✓ Quản lý chuỗi cung ứng</li> <li>✓ Thiết kế hệ thống logistics</li> </ul>
13. Khả năng nâng cao trình độ:	Sinh viên tốt nghiệp chương trình này có thể học tiếp chương trình đào tạo chuyên sâu để nhận bằng Kỹ sư hoặc chương trình đào tạo thạc sỹ cùng ngành và các ngành gần
14. Chương trình đào tạo đối sánh:	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng – Trường ĐH Bách khoa TP HCM

# A. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

## I. Quy trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHĐN và Trường ĐHBK. Thời gian đào tạo trong 4 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng Tám đến cuối tháng Sáu) và học kỳ hè (từ đầu tháng Bảy đến giữa tháng Tám). Trong 2 năm đầu tiên, sinh viên được học ngoại ngữ cùng các kiến thức cơ bản và cơ sở ngành. Trong 2 năm tiếp theo, sinh viên tiếp tục học các kiến thức chuyên ngành và thực hiện Đồ án tốt nghiệp.

## II. Cách thức đánh giá

### 1. Đánh giá kết quả học tập

Cuối mỗi học kỳ, để đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường sử dụng 4 tiêu chí: Khối lượng học tập đăng ký, điểm trung bình chung học kỳ, khối lượng kiến thức tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy.

1.1. Khối lượng học tập đăng ký là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ, gồm cả học phần học lần đầu và học từ lần thứ 2 trở đi;

1.2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký trong học kỳ, theo Khoản 1 của Điều này. Trọng số của mỗi học phần là số tín chỉ tương ứng của học phần đó;

1.3. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đã tích lũy được (điểm theo thang 4 là từ 1,0 trở lên), tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xét;

1.4. Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của các học phần đã tích lũy được (điểm theo thang 4 là từ 1,0 trở lên) tính từ đầu khóa học

### 2. Đánh giá học phần

2.1. Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào điểm thi kết thúc học phần và các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm chuyên cần; điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành/ thí nghiệm; điểm kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận. Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp, có trọng số không dưới 50%. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là viết (trắc nghiệm, tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, hoặc kết hợp các hình thức này.

2.2. Việc lựa chọn hình thức đánh giá bộ phận, trọng số của điểm đánh giá bộ phận và cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết học phần khi xây dựng và cập nhật chương trình đào tạo và phải được Hiệu trưởng phê duyệt. Ở buổi học đầu tiên của lớp học phần, giảng viên phụ trách lớp học phần công bố đề cương chi tiết cho sinh viên. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

2.3. Kiểm tra giữa kỳ: Giảng viên phụ trách lớp học phân bố trí kiểm tra giữa kỳ trong buổi học của lớp học phần, theo kế hoạch đào tạo năm học đã được Hiệu trưởng phê duyệt.

#### 2.4. Thi kết thúc học phần

- Sinh viên nào vắng quá 20% thời gian học của lớp học phần thì giảng viên dạy lớp học phần có thể xem xét quyết định không cho sinh viên đó dự thi cuối kỳ.

- Lịch thi kết thúc học phần do Phòng Đào tạo và phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp sắp xếp và ban hành; phải đảm bảo thời gian ôn thi bình quân ít nhất 2/3 ngày cho mỗi tín chỉ.

- Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với chuẩn đầu ra và nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường.

### 3. Phương pháp đánh giá học phần

Tùy theo đặc điểm của mỗi học phần, giảng viên sử dụng các phương pháp đánh giá sau:

- Đánh giá chuyên cần
- Bài tập tại lớp, bài tập về nhà
- Đánh giá thuyết trình
- Kiểm tra viết
- Kiểm tra trắc nghiệm
- Bảo vệ và thi vấn đáp
- Đánh giá bản báo cáo, tiểu luận
- Đánh giá làm việc nhóm

### 4. Cách tính điểm học phần

4.1. Điểm đánh giá bộ phận (điểm kiểm tra giữa kỳ, bài tập, tiểu luận,...) và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một số lẻ thập phân.

4.2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận, điểm thi cuối kỳ của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Xếp loại	Điểm theo thang 10	Điểm theo thang 4	Điểm theo thang chữ
<b>Đạt</b>	Từ 9,5 đến 10,0	4,0	A+
	Từ 8,5 đến dưới 9,5	4,0	A
	Từ 8,0 đến dưới 8,5	3,5	B+
	Từ 7,0 đến dưới 8,0	3,0	B
	Từ 6,5 đến dưới 7,0	2,5	C+
	Từ 5,5 đến dưới 6,5	2,0	C
	Từ 5,0 đến dưới 5,5	1,5	D+
	Từ 4,0 đến dưới 5,0	1,0	D

<b>Xếp loại</b>	<b>Điểm theo thang 10</b>	<b>Điểm theo thang 4</b>	<b>Điểm theo thang chữ</b>
<b>Không đạt</b>	< 4,0	0	F

## B. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

<b>ST T</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Tóm tắt học phần</b>
1	Giải tích 1	Học phần Giải tích 1 cung cấp các kiến thức cơ bản về lý thuyết tập hợp, về giới hạn, sự liên tục, phép tính vi phân, phép tính tích phân và bài toán cực trị của hàm số một biến và hàm số nhiều biến. Học phần cũng đề cập tới một số ứng dụng của phép tính vi tích phân và ứng dụng của một số phần mềm hỗ trợ tính toán và đồ họa.
2	Hình họa - Vẽ kỹ thuật	Môn học nhằm mục đích trang bị cho sinh viên các tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế để thành lập các bản vẽ kỹ thuật. Vẽ và đọc được các hình loại hình biểu diễn thể hiện cấu trúc bên trong và bên ngoài của vật thể.
3	Môi trường	Môn học này thuộc khối kiến thức đại cương, cung cấp cho sinh viên các hiểu biết cơ bản về môi trường, tài nguyên và hệ sinh thái. Các kiến thức về sự ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất, chất thải rắn và một số loại ô nhiễm khác như tiếng ồn, nhiệt, phóng xạ; trên cơ sở đó nắm bắt được những giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường để có những hành động phù hợp trong cuộc sống hàng ngày. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên nắm được các khái niệm, nguyên tắc và giải pháp để đạt tới sự hài hòa về môi trường và phát triển bền vững cũng như một số nội dung chính về luật môi trường Việt Nam.
4	Triết học Maclenin	Học phần Triết học Mác – Lênin, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về triết học Mác- Lênin, giúp cho người học những hiểu được những nội dung cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử.
5	Nhập môn ngành	Học phần Nhập môn ngành cung cấp cho sinh viên tổng quan về nghề nghiệp và cấu trúc chương trình đào tạo ngành Quản lý Công nghiệp; giúp sinh viên bước đầu hình thành những kỹ năng và tư duy cần thiết đối với một kỹ sư bao gồm kỹ năng nhận dạng và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình; tư duy thiết kế, vận hành hệ thống công nghiệp để chuẩn bị cho việc học tập trong các học phần tiếp theo.

6	Pháp luật đại cương	<p>Học phần Pháp luật đại cương được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản nhất về Nhà nước và Pháp luật.</p> <p>Nội dung cơ bản của học phần bao gồm: Những vấn đề chung về Nhà nước và pháp luật như Bộ máy nhà nước, Quy phạm pháp luật và Quan hệ pháp luật, Vi phạm pháp luật... Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về phòng chống tham nhũng</p>
7	Anh văn A2.1	<p>Học phần này được thiết kế tích hợp giữa 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc và Viết cùng với các điểm ngữ pháp. Nội dung học phần được trình bày trong 3 unit; mỗi unit gồm 7 bài học về :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>A. các kỹ năng sử dụng từ vựng và nghe hiểu</li> <li>B. các kỹ năng ngữ pháp</li> <li>C. các kiến thức về văn hóa</li> <li>D. các kỹ năng ngữ pháp</li> <li>E. các kỹ năng về đọc, nghe</li> <li>F. các kỹ năng về giao tiếp khẩu ngữ</li> <li>G. các kỹ năng về viết tiếng Anh</li> </ul> <p>Sau mỗi đơn vị bài học về kỹ năng tích hợp sẽ có 1 bài ôn luyện và trau dồi kỹ năng, nhằm giúp người học rèn luyện kỹ năng làm bài, chuẩn bị tốt cho bài thi 1 và 2. Các kỹ năng làm bài bám sát định dạng đề thi bao gồm Nghe / Đọc chọn các câu đúng/sai/không đề cập trong bài; Bài tập đa lựa chọn; Điền khuyết (Ngữ pháp); Thảo luận dựa vào tranh ảnh; Đóng vai theo tình huống (Nói); Ghép nhiều lựa chọn (Đọc); Viết theo chủ đề.</p>
8	Giải tích 2	<p>Học phần Giải tích 2 trình bày về tích phân bội (tích phân 2 lớp và 3 lớp), phương trình vi phân cấp 1 và cấp 2, lý thuyết về chuỗi số và chuỗi hàm. Ngoài ra, học phần này cũng đề cập tới một số ứng dụng của các nội dung trên vào các bài toán thực tế và ứng dụng của một số phần mềm hỗ trợ để tính toán.</p>
9	Vật lý 1	<p>Học phần Vật lý 1 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong Vật lý ở phần Cơ học và Nhiệt động lực học. Học phần sẽ giúp sinh viên nghiên cứu các nội dung quan trọng như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tính chất, các qui luật chuyển động tịnh tiến của chất điểm, chuyển động quay và chuyển động tổng hợp của vật rắn.</li> <li>- Mối liên hệ giữa các đặc trưng cho chuyển động, các định luật biến thiên và bảo toàn xung lượng, momen xung lượng, cơ năng.</li> </ul>

		<p>- Tính chất chuyển động của các phân tử chất khí và các đại lượng đặc trưng chất khí gồm áp suất, nhiệt độ, thể tích và mối quan hệ giữa chúng.</p> <p>- Mối liên hệ giữa công, nhiệt, và nội năng trong các quá trình biến đổi nhiệt động; và ứng dụng để khảo sát hoạt động của các loại máy nhiệt.</p>
10	TN Vật lý 1	Học phần giúp sinh viên làm quen với quá trình tiến hành một thí nghiệm thông qua các bài thực hành liên quan đến các kiến thức Vật lý phần Cơ học, Nhiệt học. Bên cạnh việc củng cố kiến thức lý thuyết, học phần còn hình thành kỹ năng thí nghiệm, thực hành, phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp.
11	Xác suất và thống kê	Học phần trình bày lý thuyết xác suất và các phương pháp thống kê nhằm phục vụ cho những học phần ứng dụng xác suất và thống kê và ứng dụng trong chuyên môn cầu kỹ sư. Lý thuyết xác suất giới thiệu những nội dung cơ bản về biến cố ngẫu nhiên, xác suất; biến ngẫu nhiên và quy luật phân bố xác suất; các định lý giới hạn; vector ngẫu nhiên, kì vọng có điều kiện, hiệp phương sai và hệ số tương quan. Thống kê toán bao gồm những nội dung cơ bản về lý thuyết mẫu, thống kê mô tả; các phương pháp ước lượng các tham số của biến ngẫu nhiên; kiểm định các giả thuyết thống kê, bài toán so sánh.
12	KTCT Maclenin	Học phần được kết cấu thành 2 phần chính: - Một là, nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền. - Hai là, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
13	Kinh tế vi mô	Các học phần Kinh tế học là môn học cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp một số kiến thức cơ bản, có hệ thống, chuẩn xác về hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế ở góc độ của doanh nghiệp và của hệ thống kinh tế quốc gia. Trong đó, học phần Kinh tế học vi mô và tập trung giới thiệu những vấn đề cơ bản của hệ thống kinh tế và thị trường, bao gồm phân tích cơ chế hoạt động của thị trường: tiêu dùng, sản xuất, can thiệp của nhà nước, và các kiểu cấu trúc thị trường cạnh tranh.

14	Anh văn A2.2	<p>Học phần này được thiết kế tích hợp giữa 4 kỹ năng: Nghe, Nói, Đọc và Viết cùng với các điểm ngữ pháp. Nội dung học phần được trình bày trong 4 unit; mỗi unit gồm 7 bài học về :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>A. các kỹ năng sử dụng từ vựng và nghe hiểu</li> <li>B. các kỹ năng ngữ pháp</li> <li>C. các kiến thức về văn hóa</li> <li>D. các kỹ năng ngữ pháp</li> <li>E. các kỹ năng về đọc, nghe</li> <li>F. các kỹ năng về giao tiếp khẩu ngữ</li> <li>G. các kỹ năng về viết tiếng Anh</li> </ul> <p>Sau các bài học rèn luyện về kỹ năng tích hợp sẽ có 1 bài học về ôn luyện chuẩn bị cho bài thi của với các kỹ năng làm bài như Nghe chọn các câu đúng – sai/không đề cập trong bài; Bài tập đa lựa chọn/Điền khuyết (Ngữ pháp); Thảo luận dựa vào tranh ảnh, Đóng vai theo tình huống (Nói); Ghép nhiều lựa chọn (Đọc).</p>
15	Thực tập nhân thức	<p>Học phần trang bị cho sinh viên nhận thức tổng quan về thực tế công việc của ngành Quản lý Công nghiệp. Sinh viên sẽ thăm quan thực tế tại một số doanh nghiệp điển hình để có cái nhìn tổng thể về ngành nghề, về hệ thống sản xuất, quản lý sản xuất,...</p>
16	Đại số tuyến tính	<p>Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như khái niệm không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, khái niệm ma trận, các phép toán trên ma trận, cách giải một hệ phương trình tuyến tính ứng dụng để tìm trị riêng và vectơ riêng của một ma trận, nhằm cung cấp các kiến thức để phục vụ cho sinh viên học tốt các môn học chuyên ngành.</p>
17	Lịch sử Đảng CSVN	<p>Học phần giúp cho sinh viên hiểu rõ sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là thời kỳ đổi mới.</p>
18	Vật lý 2	<p>Học phần Vật lý 2 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản trong Vật lý ở phần Điện, Từ, và Quang học. Học phần sẽ giúp sinh viên nghiên cứu các nội dung quan trọng như: kiến thức và các bài toán về tĩnh điện, tĩnh từ, các định luật cơ bản về dòng điện, cảm ứng điện từ, hiện tượng giao thoa và nhiễu xạ ánh sáng.</p> <p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để sinh viên tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu những học phần chuyên ngành khác.</p>
19	Qui hoạch tuyến tính	<p>Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính. Trọng tâm của môn học là phần</p>

		trình bày giải thuật đơn hình ở các mức độ sử dụng khác nhau. Lý thuyết đối ngẫu được trình bày một cách đơn giản. Các dạng và phương pháp giải các bài toán thực tế trong quản lý công nghiệp; ví dụ như: bài toán vận tải, bài toán phân công,... cũng được giới thiệu.
20	Quản trị sản xuất	Học phần trình bày các kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất, thiết kế sản phẩm và dịch vụ, hoạch định công suất sản xuất, lựa chọn địa điểm sản xuất, bố trí mặt bằng, hoạch định tổng hợp, quản trị tồn kho và điều độ tác nghiệp. Từ đó, sinh viên có thể áp dụng được vào công tác quản trị sản xuất tại các doanh nghiệp.
21	Quản trị học	Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành quản trị kinh doanh. Đây là học phần tiên quyết của các học phần khác về quản trị như Quản trị chiến lược, Quản trị nhân sự, Quản trị marketing,..... Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau : khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị ; quản trị sự thay đổi ; quản trị xung đột của tổ chức ; các nội dung về vai trò, kỹ năng cần thiết của nhà quản trị ; thông tin và ra quyết định quản trị ; phân tích sâu các chức năng quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát).
22	CNXHKH	Học phần được kết cấu thành 2 phần chính: - Một là, nghiên cứu những vấn đề cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. - Hai là, nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
23	Kinh tế vĩ mô	Các học phần Kinh tế học là môn học cơ sở ngành, trang bị cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp một số kiến thức cơ bản, có hệ thống, chuẩn xác về hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế ở góc độ của doanh nghiệp và của hệ thống kinh tế quốc gia. Học phần Kinh tế học vĩ mô cung cấp cho người học kiến thức để phân tích tổng quan nền kinh tế một quốc gia, bao gồm các vấn đề về thu nhập quốc gia và tăng trưởng kinh tế; tiền tệ và hệ thống ngân hàng, ngân sách nhà nước, yếu tố nước ngoài và các diễn biến của nền kinh tế.
24	Anh văn CN	Học phần Anh văn chuyên ngành cung cấp hệ thống từ vựng về một số chủ đề liên quan đến quản lý công nghiệp thông qua các chủ đề

		<p>như: doanh nghiệp, marketing, tài chính, quản trị sản xuất, giao tiếp kinh doanh,... Phát triển kỹ năng đọc bản vẽ và các tài liệu chuyên ngành cho sinh viên. Giúp sinh viên nắm vững một số điểm ngữ pháp cơ bản như chia thì, động từ tình thái, cấu trúc so sánh và vận dụng những điểm ngữ pháp này vào trong giao tiếp tình huống. Nâng cao khả năng thuyết trình bằng tiếng Anh.</p>
25	Mô hình tối ưu	<p>Môn học được mở đầu bằng việc giới thiệu vài vấn đề thực tế dẫn đến mô hình quy hoạch tuyến tính đa mục tiêu. Trọng tâm của môn học là phân trình bày giải thuật và phương pháp giải các bài toán đa mục tiêu thực tế trong quản lý công nghiệp. Kiến thức về quy hoạch động và những bài toán quy hoạch động thực tế cũng được giới thiệu.</p>
26	Kế toán doanh nghiệp	<p>Học phần trang bị các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về kế toán công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh thuộc các phân hành mà môn học nghiên cứu. Môn học cung cấp các kiến thức, kỹ năng cần thiết trong việc giải quyết các vấn đề về thủ tục pháp lý và công tác kế toán thuộc các vấn đề liên quan đến thành lập công ty, biến động vốn góp, phân phối kết quả kinh doanh, giải thể công ty, tổ chức lại công ty.</p> <p>Học phần này giúp người học vận dụng Luật, chuẩn mực và chế độ, chính sách tài chính kế toán thực hiện công tác kế toán trong công ty, khả năng làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tài chính trong các công ty, Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để thực hiện công tác kế toán tài chính trong các công ty.</p>
27	Tư tưởng HCM	<p>Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn khoa học cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH; .... Trên cơ sở đó góp phần giúp sinh viên hình thành lập trường khoa học và cách mạng, kiên định con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.</p>
28	Phân tích kinh tế	<p>Cung cấp những kiến thức cơ bản cần thiết về kinh tế kỹ thuật như: giá trị theo thời gian của tiền tệ, các kỹ thuật phân tích dòng tiền,</p>

	trong kỹ thuật	cách tính khấu hao, thuế thu nhập doanh nghiệp, ước lượng và quản lý chi phí trong việc ra quyết định.
29	Hệ thống và quy trình sản xuất	Môn học giới thiệu các các loại hệ thống sản xuất, sơ đồ quy trình công nghệ, sơ đồ lắp ráp, tính toán được công nhân và máy móc phân bố trong hệ thống, và thiết kế được hệ thống vận chuyển vật liệu cho hệ thống sản xuất.
30	Kỹ thuật lập trình	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tin học, các kiến thức về kỹ thuật lập trình để giải quyết một bài toán kỹ thuật trong thực tế bằng ngôn ngữ lập trình C. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nắm vững phương pháp lập trình có cấu trúc, kỹ thuật phân tích và thiết kế chương trình có cấu trúc, vận dụng được các cấu trúc dữ liệu cơ bản để giải quyết các bài toán lập trình bằng cách sử dụng các thuật toán tìm kiếm, sắp xếp dữ liệu, đệ quy...
31	Mô phỏng hệ thống	Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về mô hình hóa và mô phỏng. Quy trình áp dụng mô phỏng để đánh giá hiệu quả của nhà máy, phân tích một số hệ thống sản xuất và dịch vụ. Môn học cũng cung cấp cho sinh viên cách ứng dụng một số phần mềm hiện có.
32	Quản trị nhân lực	Học phần Quản trị nhân sự cho sinh viên đại học ngành Quản lý công nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nguồn nhân lực trong doanh nghiệp như quá trình tuyển dụng, thuê mướn, đào tạo, sử dụng nhân lực cho quá trình sản xuất kinh doanh, chế độ lương bổng đãi ngộ và các công cụ khuyến khích thúc đẩy làm tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên nhân lực.
33	Quản lý công nghệ	Môn học trình bày các kiến thức cơ bản về công nghệ, quản lý công nghệ, môi trường công nghệ, năng lực công nghệ, lựa chọn công nghệ, đánh giá công nghệ, và quản lý Nhà nước về công nghệ.
34	Thiết kế và phân tích thực nghiệm	Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về các phương pháp thiết kế thực nghiệm. Các mô hình thống kê được sử dụng để phân tích kết quả thực nghiệm. Học phần cũng giới thiệu một số phần mềm thường dùng trong việc thiết kế và phân tích thực nghiệm.
35	PBL 1: Xây dựng hệ thống sản xuất	Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức về xây dựng và vận hành hệ thống sản xuất. Sinh viên tham gia học phần sẽ tham gia vào việc thiết kế, vận hành, đánh giá 01 hệ thống sản xuất.

36	Quản lý chuỗi cung ứng	Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng bao gồm các thành phần trong chuỗi cung ứng, tối ưu cấu hình mạng, các vấn đề liên quan về quản lý tồn kho trong chuỗi cung ứng, hệ thống tích hợp trong chuỗi cung ứng,... Học phần cũng giới thiệu hệ thống SAP ERP cho quản lý chuỗi cung ứng.
37	Kỹ thuật phân tích quyết định	Môn học này là học phần thuộc kiến thức ngành. Học phần trang bị cho người học những kiến thức: tổng quan về vấn đề, giải quyết vấn đề; các công cụ, kỹ năng cơ bản để giải quyết vấn đề và ra quyết định; tổ chức cho người học thực hành giải quyết vấn đề và ra quyết định.
38	Pháp luật trong kinh doanh	<p>Học phần Luật kinh doanh trình bày những lý luận cơ bản về luật kinh doanh trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ khoa học pháp lý cũng như đòi hỏi của môi trường kinh doanh trong thực tiễn hiện nay ở Việt Nam. Trên cơ sở đó nội dung của môn học nhằm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tích hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền</li> <li>- Phân tích địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh tham gia hoạt động kinh doanh trong môi trường kinh doanh hiện nay.</li> <li>- Xác định định chế phá sản đối với doanh nghiệp kinh doanh không hiệu quả, lâm vào tình trạng phá sản.</li> <li>- Xác định các hoạt động đầu tư hợp pháp, các hình thức giao dịch thương mại thông qua chế định hợp đồng và cách thức giải quyết các tranh chấp kinh tế phát sinh trong kinh doanh.</li> </ul>
39	Giao tiếp kinh doanh	Môn học này trang bị những kiến thức, kỹ năng giao tiếp và đàm phán có hiệu quả ; một lợi thế thăng tiến trong nghề nghiệp. Nội dung học phần giới thiệu những vấn đề : nguyên tắc, đặc điểm giao tiếp trong kinh doanh, những rào cản trong giao tiếp, tầm quan trọng của việc giao tiếp hiệu quả, mô hình và kế hoạch giao tiếp. Đặc biệt rèn luyện kỹ năng « lắng nghe », ý nghĩa của các dạng giao tiếp phi ngôn ngữ thể hiện qua cử chỉ, thái độ, hành vi của đối tượng giao tiếp. Thông qua đó môn học cũng giới thiệu đặc điểm giao tiếp ở một số quốc gia có nền văn hóa khác nhau.
40	PBL 2: Phát triển sản phẩm	Phát triển sản phẩm là một yếu tố then chốt trong sự phát triển và tồn tại của doanh nghiệp. Nhu cầu trên thị trường luôn thay đổi, áp lực từ đối thủ cạnh tranh luôn phát triển, và những tiến bộ trong công nghệ là động lực thúc đẩy doanh nghiệp cần phải có chiến lược và tầm nhìn dài hạn cho sự phát triển sản phẩm nhằm thỏa mãn yêu cầu khách hàng, tạo mức tiêu thụ nhằm đảm bảo mục tiêu

		<p>lợi nhuận, nâng cao khả năng cạnh tranh, và duy trì sự phát triển lâu dài và bền vững cho doanh nghiệp.</p> <p>PBL Phát triển sản phẩm được thiết kế trên cơ sở kết hợp giữa các học phần Marketing Công nghiệp, Quản trị chiến lược, Quản lý Công nghệ, cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để thực hiện quá trình phát triển sản phẩm từ lên ý tưởng, hình thành sản phẩm, lên kế hoạch marketing, thử nghiệm, và triển khai sản xuất đưa sản phẩm ra thị trường. Học phần liên môn này sẽ giúp cho sinh viên QLCN hiểu, và vận dụng các bước phát triển sản phẩm, từ đó hình thành khả năng hoạch định chiến lược phát triển sản phẩm đảm bảo cho sự phát triển trong dài hạn của doanh nghiệp.</p>
41	Quản trị dự án công nghiệp	<p>Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị dự án, từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc dự án. Trong giai đoạn khởi xướng dự án bao gồm các vấn đề như xem xét đánh giá để lựa chọn dự án, thiết kế tổ chức dự án. Trong giai đoạn tổ chức thực hiện dự án bao gồm việc lập kế hoạch, ước tính ngân sách, lập tiến độ dự án, phân bổ nguồn lực, giám sát và kiểm soát quá trình thực hiện dự án.</p>
42	Marketing công nghiệp	<p>Marketing Công nghiệp là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về marketing và marketing trên thị trường sản phẩm, dịch vụ công nghiệp, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng của tiếp thị B2B trong xu thế toàn cầu hóa. Môn học giúp cho người học nắm bắt được 4 thành tố quan trọng trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix) gắn với đặc trưng thị trường khách hàng công nghiệp, bao gồm: chiến lược phát triển sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược truyền thông và xúc tiến (Promotion) trên thị trường công nghiệp.</p>
43	Quản lý và kiểm soát chất lượng	<p>Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về quản lý và kiểm soát chất lượng sản phẩm. Một số phương pháp quản lý chất lượng sản phẩm sẽ được trình bày. Các công cụ thống kê sẽ được giới thiệu cho việc kiểm soát chất lượng.</p>
44	Quản trị tồn kho	<p>Môn học này là học phần thuộc kiến thức ngành. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất để quản trị kho hàng và hàng tồn kho trên cơ sở quan điểm hiện đại tại doanh nghiệp. Môn học cung cấp kiến thức về quản trị hàng tồn kho: tổng quan về hàng tồn kho, chi phí, kiểm soát mức tồn kho, công nghệ lưu trữ một số loại mặt hàng cơ bản.</p>

45	Quản trị chiến lược	Trang bị cho sinh viên kiến thức về lý thuyết chung và kỹ năng hoạch định và thực thi chiến lược kinh doanh trong nền kinh tế thị trường hiện đại và trong môi trường kinh doanh toàn cầu
46	Lý thuyết lãnh đạo	Môn học này giới thiệu tương quan giữa quản lý và lãnh đạo; những yêu cầu và phẩm chất cần thiết để trở thành nhà lãnh đạo nhóm, lãnh đạo tổ chức; các phong cách lãnh đạo: phong cách dân chủ, phong cách độc đoán, phong cách tự do. Môn học cũng đề cập đến vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo nhóm: trách nhiệm đối với cá nhân, trách nhiệm đối với công việc, trách nhiệm đối với nhóm và thể hiện vai trò lãnh đạo nhóm. Phân biệt quyền hạn và quyền lực, nghệ thuật giao quyền và ủy quyền công việc hiệu quả.
47	PBL 3: Hệ thống kiểm soát và quản lý chất lượng	Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức về xây dựng hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng. Sinh viên tham gia học phần sẽ tham gia vào việc xây dựng hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng cho 01 doanh nghiệp cụ thể.
48	Quản lý kho vận	Học phần Quản lý kho vận nhằm trang bị kiến thức cần thiết để công việc quản lý hệ thống kho trong chuỗi cung ứng và logistics được thực hiện một cách hiệu quả nhất. Nội dung môn học bao gồm hoạt động và chức năng trong tổng thể hoạt động kho vận trong chuỗi cung ứng. Phần tìm hiểu cơ sở hạ tầng của nhà kho bao gồm hệ thống kệ chứa và các phương tiện vận chuyển hàng hóa trong kho/bãi cũng như các phương tiện để nhận diện như Bar Code hay RFID. Phần hoạt động vận hành của kho/bãi được nghiên cứu các qui trình nhập hàng và cách sắp xếp hàng hóa, bố trí mặt bằng kho, qui trình lấy hàng và các phương pháp xác lập đường đi hợp lý. Việc bảo quản hàng hóa sẽ xem xét việc phòng cháy, phòng trộm, hạn chế sự suy giảm chất lượng hàng hóa trong kho. Việc đánh giá tổng thể hoạt động quản lý kho bãi được xác định qua một bộ các chỉ tiêu cụ thể.
49	Vận tải hàng hóa	Môn học này cung cấp cho người học về vận tải và buôn bán quốc tế, chuyên chở hàng hóa bằng đường biển, đường sắt, hàng không, đường bộ và chuyên chở hàng hóa bằng container. Cuối môn học người học sẽ nắm được những kiến thức về vận tải đa phương thức quốc tế và giao nhận hàng hóa chuyên chở bằng đường biển.
50	Thực tập hệ thống công nghiệp	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về công việc của ngành Quản lý Công nghiệp. Sinh viên sẽ tham gia làm một số công việc cụ thể tại doanh nghiệp

51	Quản trị logistics	<p>Logistics là môn học nghiên cứu sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu, bán thành phẩm trong quá trình mua sắm, sản xuất, lưu thông, phân phối nhằm đạt hiệu quả cao nhất đồng thời nghiên cứu nghiệp vụ liên quan đến thu mua, dịch vụ khách hàng, phân phối, vận tải, thông tin, dự trữ, đặc biệt là hoạt động ở các doanh nghiệp XNK quốc tế, doanh nghiệp dịch vụ logistics.</p> <p>Môn học nghiên cứu tính quy luật của các hoạt động cung ứng và đảm bảo các yếu tố tổ chức, vật chất và kỹ thuật để cho quá trình chính yếu được tiến hành đúng mục tiêu. Trong sản xuất kinh doanh, Logistics đề cập đến việc tối thiểu hóa chi phí, từ việc mua sắm nguyên vật liệu cho tới việc lập, thực hiện kế hoạch sản xuất, giao hàng, bố trí kho bãi và dự trữ.</p>
52	Hệ thống nâng chuyển vật liệu	<p>Học phần trang bị cho sinh viên các loại máy nâng chuyển trong hoạt động logistics. Sinh viên sẽ được trang bị các phương thức để đánh giá, phân tích lựa chọn hệ thống nâng chuyển vật liệu phù hợp. Học phần cũng trang bị cho sinh viên một số công nghệ tiên tiến trong hệ thống nâng chuyển vật liệu.</p>
53	Sản xuất tinh gọn	<p>Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về sản xuất tinh gọn. Các yếu tố chính trong sản xuất tinh gọn sẽ được giới thiệu. Học phần cũng trình bày cụ thể các kỹ thuật lập kế hoạch và lịch trình cho sản xuất tinh gọn.</p>
54	Hệ thống thông tin quản lý	<p>Môn học cung cấp kiến thức toàn diện về hệ thống thông tin và quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào thực tiễn quản lý của tổ chức.</p>
55	Thực tập tốt nghiệp	<p>Học phần thực tập tốt nghiệp nhằm giúp sinh viên củng cố kiến thức tại trường và bước đầu vận dụng vào thực tế những nội dung chuyên ngành đã được học; Phát triển kỹ năng cho sinh viên trong việc thu thập, phân tích, xử lý các nội dung chuyên môn và các số liệu liên quan để sử dụng cho các lĩnh vực chuyên môn. Bên cạnh đó, sinh viên tìm hiểu các vấn đề tại doanh nghiệp phục vụ cho đề tài tốt nghiệp.</p>
56	Đồ án tốt nghiệp	<p>Học phần giúp sinh viên củng cố lại toàn bộ khối kiến thức đã học trong chương trình đào tạo. Sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tế tại doanh nghiệp dưới sự hướng dẫn của GVHD và doanh nghiệp.</p>